

L- carnitine fumarate

Tên gọi: L- carnitine fumarate

Xuất hiện: bột màu trắng

L-carnitine là 1 acid amin có trong cơ thể con người và đóng vai trò thiết yếu trong việc chuyển hoá năng lượng cơ thể, cung cấp năng lượng đến nhiều cơ quan trong cơ thể như tim, cơ, gan và các tế bào miễn dịch.

Carnitine dùng cho chứng đau thắt ngực, co thắt tim, bệnh Alzheimer và giúp tăng lực, cải thiện hoạt động hằng ngày.

Carnitine có hai loại. L-carnitine được dùng để bổ sung carnitine và chữa các chứng bệnh do thiếu carnitine trong cơ thể. D,L-carnitine có thể làm cho L-carnitine mất tác dụng và làm cho cơ thể thiếu carnitine.

L-carnitine có thể dùng để chống và chữa các bệnh về thận. Thuốc này được dùng cho những người thiếu carnitine trong cơ thể. Thiếu carnitine có thể làm cho thận, tim và cơ bắp khó hoạt động.

Tác Dụng Sinh Học

1.1. Tác dụng trên xương

Lượng **Carnitine** tập trung trong các tế bào giảm theo độ tuổi, ảnh hưởng đến quá trình chuyển hóa chất béo trong các mô. Đặc điểm này đặc biệt ảnh hưởng đến xương, nơi mà nhu cầu về tái cấu trúc và sự trao đổi chất của tế bào tạo xương vẫn tiếp diễn.

Có sự tương quan rất gần giữa những thay đổi trong lượng nguyên bào tạo xương ở huyết tương và hoạt động tái tạo xương; việc giảm lượng nguyên bào tạo xương ở huyết tương là dấu hiệu của giảm quá trình tái tạo xương. Đặc điểm này là cơ sở để chẩn đoán chứng loãng xương ở người già và phụ nữ thời kỳ sau mãn kinh. Sử dụng Carnitine phối hợp với Propionyl – L – Carnitine có thể tăng nồng độ nguyên bào xương ở huyết thanh, từ đó giúp điều trị loãng xương.

1.2. Tác dụng chống oxy hóa

Carnitine có khả năng chống oxy hóa, bằng cách đó Carnitine đóng vai trò là tác nhân bảo vệ chống lại quá trình quá trình oxy hóa lipid ở màng phospholipid và chống lại sự oxy hóa ở cơ tim và tế bào nội mô.

1.3. Tác dụng chống rụng tóc

L-Carnitine kích thích sự phát triển của tóc

L – Carnitine đóng vai trò quan trọng trong việc vận chuyển acid béo, giảm lượng dầu tiết ra ở nang tóc, cung cấp năng lượng cho giai đoạn anagen – giai đoạn đầu của chu kỳ phát triển tóc. Nhờ vậy, L – Carnitine kích thích sự phát triển của tóc, hạn chế tóc rụng.

Tiềm Năng Sử Dụng Carnitine Như Dược Phẩm

2.1. Các bệnh về thận

Thận sản xuất ra Carnitine, nên các bệnh về thận có thể dẫn đến sự thiếu hụt Carnitine trong cơ thể. Do đó Carnitine có thể được kê cho những bệnh nhân mắc bệnh thận.

2.2. Điều trị vô sinh ở nam giới

Carnitine đem lại nhiều hứa hẹn cho điều trị vô sinh ở nam giới nhờ cải thiện chất lượng tinh trùng. Bổ sung L – Carnitine cũng được chứng minh có lợi trong điều trị bệnh giãn tĩnh mạch thường tinh, nguyên nhân chính dẫn đến chứng vô sinh.

2.3. Sử dụng như thực phẩm giảm béo

L – Carnitine được bán trên thị trường như là thực phẩm chức năng giúp giảm béo, tuy nhiên chưa có nghiên cứu đầy đủ chứng minh tác dụng giảm béo của L – Carnitine, một vài nghiên cứu cho thấy sử dụng Carnitine đường uống giúp giảm khối mỡ, tăng khối lượng cơ, và giảm sự mệt mỏi.

2.4. Chất giải độc

Trong điều trị ngộ độc Acid valproic, bổ sung L – Carnitine đem lại hiệu quả tốt, đặc biệt ở những bệnh nhân bị đồng thời chứng tăng ammoniac huyết, não, và ngộ độc gan.

Nguồn Cung Cấp L – Carnitine

3.1. Thực phẩm

Các thức ăn giàu Carnitine: thịt đỏ (thịt lợn, thịt bò...), các sản phẩm từ sữa. Các nguồn cung cấp Carnitine khác như: các loại quả hạch, hạt bí, hạt hướng dương, hạt vừng, đậu, rau...

3.2. Nguồn khác

L – Carnitine có thể được tìm thấy trong các sản phẩm bổ sung vitamin, nước tăng lực và những sản phẩm khác.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Nguyễn Mạnh Cường

Công ty TNHH Dược phẩm sinh học Quốc tế (IBPHARCO)

Add: Tầng 6, Licogi13, 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội

Hotline: 0987 785 792

-

Tel: 024 62939301

Email: cuongnm@ibpharco.com

-

Web: www.ibpharco.com

Bình luận

Bài viết liên quan

[Sheep Placenta Powder – Nhau thai cừu](#)

[Tảo Spirulina](#)

[MSM \(Methylsulfonylmethane\)](#)

[L- glutathione](#)

[Pregnenolone Acetate](#)

[Hyaluronic Acid](#)

[Beta Glucan](#)

[Soy isoflavones](#)

[Coenzyme Q10](#)

[Rutin 95%](#)

[Garcinia cambogia extract](#)

[Ginkgo Biloba Extract](#)

[Aloe vera extract](#)

[Tảo xoắn Spirulina](#)

[Alpha Lipoic Acid](#)

[MSM \(Methylsulfonylmethane\)](#)

[Pregnenolone Acetate](#)

[Coenzyme Q10](#)

[Fish collagen](#)

[Cần sang thuốc - TPCN ở Gò Vấp](#)

[Hyaluronic Acid](#)

[L- glutathione](#)

[Beta Glucan](#)

[Collagen type II](#)

[Soy isoflavones](#)

[Mua bán BKC 80% nguyên liệu sát trùng diệt khuẩn ao nuôi, giá cạnh tranh](#)

[Mua bán PVP Iodine 12% nguyên liệu Ấn Độ dạng bột, giá cạnh tranh](#)

[Cung cấp nguyên liệu Green Tea Extract](#)

[Cung cấp nguyên liệu tảo Spirulina](#)

[Cung cấp nguyên liệu Pregnenolone Acetate](#)

- [« Đầu tiên](#)
- [Lùi](#)
- [35](#)
- [36](#)
- [37](#)
- 38
- [39](#)
- [40](#)
- [41](#)
- [Tiếp](#)
- [Cuối cùng »](#)